TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2026
Về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thông Minh Tấn
2. Ông Hoàng Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong là Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 250/2026/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị K- sinh năm: 1993
CCCD: 060193016275, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021.
Địa chỉ: Thôn M, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc H– sinh năm: 1989
CCCD: 060089003852, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/9/2022.
Địa chỉ: Thôn M, xã H, tỉnh Lâm Đồng.
Tại phiên tòa có mặt bà K, vắng mặt ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Quốc H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn số 13, ngày 02/03/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng).

Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu. Đến khoảng đầu năm 2025 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn hợp nhau như lúc đầu. Vợ chồng bà ngày càng không có tiếng nói chung về mọi mặt, thường xuyên cãi vả. Hiện nay vợ chồng bà vẫn còn sống chung. Tuy nhiên, mạnh ai nấy sống không thể nói chuyện để hòa giải mâu thuẫn, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để sống chung nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H; nếu tòa không giải quyết ly hôn bà K cũng không thể chung sống với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 22/10/2011 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/8/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà và ông Nguyễn Quốc H ly hôn thì bà có nguyện vọng được giao quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 22/10/2011 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/8/2017 cho ông Nguyễn Thành H1. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông H1 không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà K tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn số 13, ngày 02/03/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng).

Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm nên bà K yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 22/10/2011 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/8/2017. Nếu tòa giải quyết ly hôn, ông H yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Ông H không đồng ý để Tòa án tiến hành lấy lời khai ghi nhận ý kiến của 02 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 22/10/2011 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/8/2017.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai ông và bà K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vụ án tiến hành hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K được ly hôn với ông H;

Về con chung: Ông bà có 02 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Anh K1, sinh ngày 22/10/2011 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/8/2017. Đề nghị

giao 02 con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Do ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về tài chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà K yêu cầu ly hôn ông H và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn M, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ pháp luật xác định là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 02/03/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng) nên quan hệ hôn nhân của bà K và ông H là hợp pháp.

Lý do bà K yêu cầu ly hôn ông H là giữa bà và ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tình cảm và không còn tôn trọng nhau. Ông H thừa nhận có nhiều sai sót trong cuộc sống vợ chồng và muốn hàn gắn tình cảm, tuy nhiên nếu bà K cương quyết muốn ly hôn thì ông H cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn để sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"* và tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*".

Từ lời trình bày của các đương sự, đối chiếu với quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông H và bà K đã không còn quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình nên đã

vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu ly hôn của bà K là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Anh K1 (giới tính: Nam) sinh ngày 22/10/2011 và Nguyễn Anh T (giới tính: Nữ) sinh ngày 20/8/2017. Bà K tại đơn khởi kiện đề nghị nuôi dưỡng 01 con chung, tuy nhiên, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa bà trình bày có nguyện vọng được giao quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con cho ông H nuôi dưỡng; còn ông H trong quá trình giải quyết vụ án ông yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho cha hay mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trên cơ sở phải đảm bảo điều kiện để phát triển tốt nhất nhằm ổn định cuộc sống cho cháu. Mặc dù, ông H không đồng ý để Tòa án tiến hành lấy lời khai ghi nhận ý kiến của 02 con chung chưa thành niên. Nhưng theo bà K khai và ông H cũng xác nhận hiện nay các cháu đang do ông H trực tiếp nuôi dưỡng và ông H đủ điều kiện để nuôi con. Yêu cầu nuôi con của ông H và sự tự nguyện của bà K đối với việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy 02 con hiện đang sống cùng ông H ổn định, để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Nguyễn Anh K1 (giới tính: Nam) sinh ngày 22/10/2011 và Nguyễn Anh T (giới tính: Nữ) sinh ngày 20/8/2017 cho ông H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, cũng như tinh thần cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Lâm Đồng tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị K được ly hôn ông Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K1 (giới tính: Nam) sinh ngày 22/10/2011 và Nguyễn Anh T (giới tính: Nữ) sinh ngày 20/8/2017 cho ông Nguyễn Quốc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Quốc H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà Lê Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Việc Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Bà Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ngày 30/6/2026 bà K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0012275 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng nay chuyển thành án phí và sung công quỹ Nhà nước. Bà Lê Thị K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 36 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2026). Ông Nguyễn Quốc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 11 – Lâm Đồng;
- Phòng thi hánh án dân sự khu vực 11 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**